

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
đã được kiểm toán



## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	5 – 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	14 – 20

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Gia.

### **1. Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Gia ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu số 47/UBCK-GP ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 3 năm 2011 về việc thay đổi vốn điều lệ

Trụ sở của Công ty được đặt tại số Lầu 8-9, Tòa Nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

#### **Hội đồng Quản trị:**

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| - Bà Trần Dương Ngọc Thảo | Chủ tịch   |
| - Ông Chu Việt Cường      | Thành viên |
| - Ông Nguyễn Quang Trung  | Thành viên |

#### **Ban kiểm soát:**

- |                       |            |
|-----------------------|------------|
| - Ông Phạm Văn Đầu    | Trưởng ban |
| - Bà Lê Thị Thảo Bạch | Thành viên |

#### **Ban Tổng Giám đốc:**

- |                          |                                       |
|--------------------------|---------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Quang Trung | Tổng Giám đốc                         |
| - Ông Tôn Thất Hào       | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

### **3. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ Phần Chứng khoán Phú Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **4. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và quy định của thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Để lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

### **5. Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Bà TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018





Số: 184/2018/BCKTB-HCM.00897

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các cổ đông,  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 20, theo quy định của thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định của thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo này. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo này do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo này trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo này.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu các tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán các công ty chứng khoán Việt Nam, các quy định của thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
(tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 3 năm 2017.



---

**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

---

**LÊ NGỌC HẢI**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2018-009-1

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Chúng tôi cam đoan rằng :

1. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt từ trang 5 đến trang 19 đính kèm được xây dựng trên cơ sở số liệu đã được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.
2. Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo.
3. Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



**TÔN THẤT HÀO**  
Kế toán trưởng



**ĐOÀN THỊ HỒNG LOAN**  
Kiểm soát nội bộ



**NGUYỄN QUANG TRUNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	155.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	3.230.274.187		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản			
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		6.515.865.720	1.290.600.402
16	Vốn khác (nếu có)			
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>153.005.008.869</b>
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			-
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
7	Các khoản phải thu (phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết	-	-	-
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
10	Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
11	Phải thu nội bộ	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
13	Các khoản phải thu khác	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>43.329.096</b>	
1	Tạm ứng	-	43.329.096	-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-		-
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	43.329.096	-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	-	-	-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	-
6	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>			<b>43.329.096</b>

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>C</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>	-	-	-
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2	Các khoản đầu tư	-	-	-
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường	-	-	-
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng	-	-	-
2.2	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-
2.4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	-	<b>232.048.809</b>	-
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	-	-
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	-	<b>2.298.209.300</b>	-
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	93.000.000	-
2	Chi phí trả trước dài hạn	-	125.872.502	-
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	2.079.336.798	-
5	Tài sản dài hạn khác	-	-	-
		-	-	-
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	-	-	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến lại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5.	-	-	-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>	-	-	<b>2.530.258.109</b>
		-	-	-
<b>D</b>	<b>Tài khoản ký quỹ đảm bảo</b>	-	-	-
1	Giá trị ký quỹ	-	-	-
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)	-	-	-
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)	-	-	-
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm	-	-	-
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày	-	-	-
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>	-	-	-
		-	-	-
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D</b>				<b>150.431.421.664</b>

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>15.102.412.562</b>	-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	15.102.412.562	-
2.	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%		-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		-	-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, ADB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>4.876.528.440</b>	<b>1.810.291.939</b>
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.205.315.940	120.531.594
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	410.154.100	61.523.115
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	7.639.900	1.527.980

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
<b>IV. Cổ phiếu (tiếp theo)</b>				
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	3.253.418.500	1.626.709.250
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>				
17.	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%	-	-
18.	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%	-	-
<b>VIII. Các chứng khoán khác</b>				
19.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
20.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%	-	-
21.	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%	-	-
22.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%	-	-
23.	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%	-	-
24.	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
25.	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
26.	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>				
	<b>Mã chứng khoán</b>	<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
1				
2				
3				
4				
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= +II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>			<b>19.978.941.002</b>	<b>1.810.291.939</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ GIA  
 Lầu 8-9, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

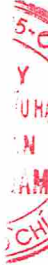
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Rủi ro trước thời hạn thanh toán  
 Rủi ro quá thời hạn thanh toán  
 Rủi ro tăng thêm  
**Tổng giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro  
 8.550.000.000  
 -  
 -  
**8.550.000.000**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							
1. Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	-	-	-
2. Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3. Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>8.550.000.000</b>
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							
<b>Thời gian quá hạn</b>							
1. 0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
2. 16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
3. 31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán							
4. Từ 60 ngày trở đi							
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							
<b>Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác</b>							
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>							<b>8.550.000.000</b>



## **BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### **BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### **C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)**

<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>12.030.985.931</b>
<b>II.</b>	<b>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>3.860.509.984</b>
	1. Chi phí khấu hao	57.953.656
	2. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
	3. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	3.802.556.328
	4. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(3.813.141.609)
	5. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
	6. Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)</b>	<b>8.170.475.947</b>
<b>IV.</b>	<b>25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>2.042.618.987</b>
<b>V.</b>	<b>20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán</b>	<b>27.000.000.000</b>
	<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>27.000.000.000</b>




## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	1.810.291.939	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	8.550.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	37.360.291.939	
5	Vốn khả dụng	150.431.421.664	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	403%	

  
**TÔN THẤT HÀO**  
Kế toán trưởng

  
**ĐOÀN THỊ HỒNG LOAN**  
Kiểm soát nội bộ

  
  
**NGUYỄN QUANG TRUNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

3300  
C  
PÁCH  
KI  
AFG  
VI-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Gia (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu số 47/UBCK-GP ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 18/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 3 năm 2011 về việc.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số Lầu 8-9, Tòa Nhà Abacus, 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 23 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 23 người).

## 2. CƠ SỞ VIỆC SOẠN LẬP BÁO CÁO

### 2.1 Văn bản pháp quy và các diễn giải được áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng) này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 2.2 Đồng tiền trên báo cáo

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”).

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

### 3.1 Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 87/2017-TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.



### 3.2 Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC, vốn khả dụng của Công ty được xác định như sau:

- a) Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- b) Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- c) Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - cấu phần vốn (đối với công ty chứng khoán có phát hành trái phiếu chuyển đổi);
- d) Vốn khác của chủ sở hữu;
- đ) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- e) Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- g) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- h) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- i) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- k) Lợi nhuận chưa phân phối;
- l) Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- m) Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- n) Các khoản giảm trừ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;
- o) Các khoản tăng thêm theo quy định tại Điều 7 Thông tư này;
- p) Vốn khác (nếu có).

#### 3.2.1 Các khoản điều chỉnh tăng

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm bởi các khoản mục sau:

1. Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm chứng khoán quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư 87/2017/TT-BTC, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá thị trường xác định theo quy định của Thông tư 87/2017/TT-BTC.
2. Các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu

Giới hạn khi tính các khoản tăng thêm cho vốn khả dụng

- Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu.
- Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông

#### 3.2.2 Các khoản điều chỉnh giảm

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm bởi giá trị của các khoản mục sau:

1. Giá trị ký quỹ.
2. Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên chín mươi (90) ngày..
3. Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, không bao gồm chứng khoán quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư 87/2017/TT-BTC, trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị ghi sổ so với giá thị trường xác định theo quy định của Thông tư 87/2017/TT-BTC.
4. Các khoản giảm trừ khác xác định theo quy định của Thông tư 87/2017/TT-BTC.

### 3.3 Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi và được Công ty xác định khi kết thúc ngày giao dịch theo công thức sau:

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, vị thế ròng của chứng khoán là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của Pháp luật.

Các tài sản không được xác định giá trị rủi ro thị trường bao gồm:

- Cổ phiếu quỹ
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán,
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

#### 3.3.1 Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định trong Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

#### 3.3.2 Giá tài sản

##### a. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

- Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.
- Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.
- Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

##### b. Trái phiếu

- Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.
- Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

##### c. Cổ phiếu

- Giá trị của cổ phiếu niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.  
Trường hợp cổ phiếu niêm yết hoặc cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UpCom không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.
  - Giá trị cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản bằng 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của Công ty.
  - Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.
- d. *Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán*
- Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
  - Giá trị quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.
  - Giá trị của các quỹ/cổ phiếu khác là giá trị theo quy định nội bộ của Công ty.

### 3.3.2 Giá trị rủi ro tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của các tài sản sẽ được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi, các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

### 3.4 Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo công thức:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tiềm ẩn rủi ro



- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.
- Đối với các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể các chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng; các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn, giá trị rủi ro thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán.

#### 3.4.1 Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn quy định trong thông tư số 87/2017/TT-BTC.

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được Công ty xác định như sau:

	<b>Đối tác thanh toán cho Công ty</b>	<b>Hệ số rủi ro thanh toán</b>
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Bộ Tài chính bảo lãnh, Ngân hàng Nhà nước, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương.	0%
(2)	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty.	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam.	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác.	8%

Thời hạn thanh toán/ nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết). T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

#### 3.4.2 Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

##### a. Các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân công ty

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại, giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán:

448  
 CÔNG  
 NIỆM  
 S.M.T  
 VIỆ  
 TP.H

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max} \{ ( \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo ( nếu có)}, 0 \}$
3	Vay chứng khoán	$\text{Max} \{ ( \text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0 \}$
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max} \{ ( \text{Giá trị của hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}), 0 \}$
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max} \{ ( \text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0 \}$
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max} \{ ( \text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0 \}$

#### 3.4.3 Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản đảm bảo là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu được Bộ Tài Chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản đảm bảo trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản được giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản x Giá tài sản x (1- Hệ số rủi ro thị trường).

#### 3.4.4 Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

#### 3.4.5 Bù trừ song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được bù trừ song phương khi:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch;
- Việc bù trừ rỗng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

### 3.5 Giá trị rủi ro hoạt động.

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động được xác định bằng giá trị lớn nhất của các giá trị :

- 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liên kế tính tới thời điểm tính toán,
- 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi chi phí khấu hao, chi phí dự phòng / (hoàn nhập) giảm giá đầu tư ngắn hạn; chi phí dự phòng / (hoàn nhập) giảm giá đầu tư dài hạn, dự phòng phải thu khó đòi



**TÔN THẤT HÀO**  
Kế toán trưởng



**ĐOÀN THỊ HỒNG LOAN**  
Kiểm soát nội bộ



**NGUYỄN QUANG TRUNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018